

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp phát gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ cho học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận học kỳ I năm học 2024-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 2112/QĐ-BTC ngày 09/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ I năm học 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-TCDT ngày 11/9/2024 của Tổng cục trưởng Tổng Cục Dự trữ Nhà nước (Bộ Tài chính) về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh trong học kỳ I năm học 2024-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2562/TTr-SGDĐT ngày 01/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ gạo dự trữ quốc gia học kỳ I năm học 2024-2025 cho **3.234** học sinh tại các trường ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận với tổng số lượng gạo là **241.905 kg**. Mỗi học sinh nhận 05 tháng tương ứng với 75 kg gạo trong học kỳ I năm học 2024-2025 (Danh sách các trường và số lượng học sinh được hỗ trợ gạo kèm theo Quyết định này được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Cổng thông tin điện tử Sở Giáo dục và Đào tạo).

- Chi tiết từng huyện, thành phố; các cơ sở giáo dục được phân bổ gạo dự trữ quốc gia **theo Phụ lục đính kèm**.

- Thời gian hoàn thành tiếp nhận, cấp phát gạo **trước ngày 30/11/2024**.

Điều 2. Trách nhiệm của các Sở, ngành, địa phương

1. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với số liệu học sinh được thụ hưởng chính sách hỗ trợ. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện việc tiếp nhận, cấp phát gạo kịp thời, đúng đối tượng; báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng thời gian quy định.

- Phối hợp với Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Nam Trung Bộ triển khai việc tiếp nhận, cấp phát gạo đến các địa phương, cơ sở giáo dục; thực hiện đối chiếu, xác nhận số lượng gạo giao nhận thực tế tại các cơ sở giáo dục trên toàn tỉnh, thiết lập biên bản giao nhận, hoàn tất các hồ sơ quản lý theo quy định.

- Cử cán bộ phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố và đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các ban ngành, đoàn thể ở cơ sở giám sát chặt chẽ việc tiếp nhận, cấp phát gạo kịp thời và đúng đối tượng.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Phân công nhiệm vụ cho các phòng chức năng triển khai phương án về kho bãi, nhân lực, phương tiện, kinh phí để tiếp nhận, phân bổ, giám sát việc cấp phát gạo kịp thời, đúng đối tượng.

- Triển khai việc tiếp nhận, thuê hoặc bố trí phương tiện để vận chuyển từ Trung tâm huyện, thành phố tới các trường trên địa bàn.

- Sử dụng ngân sách của huyện, thành phố để chi cho việc vận chuyển, bốc xếp gạo để giao cho các trường trên địa bàn.

3. Sở Tài chính: Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo sử dụng ngân sách của địa phương, đơn vị để thanh toán tiền hợp đồng vận chuyển, bốc xếp từ trung tâm huyện, thành phố tới các trường.

4. Các Sở, ban ngành liên quan: Thường xuyên phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham gia giám sát, kiểm tra quá trình tiếp nhận, cấp phát gạo đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy trình.

5. Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, các cơ sở giáo dục:

- Xây dựng kế hoạch, bố trí kho, sân bãi để tiếp nhận gạo, bố trí kinh phí từ dự toán được giao để các trường vận chuyển từ nơi nhận đến các trường, bốc xếp đầu xuống trước khi cấp phát cho học sinh;

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các trường trực tiếp tiếp nhận gạo theo Quyết định phân bổ của Ủy ban nhân dân tỉnh để cấp phát gạo cho học sinh;

- Tiếp nhận, vận chuyển gạo từ trung tâm huyện về trường để cấp phát cho học sinh đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng;

- Báo cáo kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo kết quả thực hiện việc phân bổ gạo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội; Trưởng ban Dân tộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trường học có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: GDĐT, Tài chính (b/c);
- Tổng cục Dự trữ Nhà nước-Bộ Tài chính (b/c);
- Cục DTNN KV Nam Trung bộ (Khánh Hòa);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, VXVN. ĐNĐ

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Long Biên

PHỤ LỤC

**Danh sách các cơ sở giáo dục phân bổ gạo
hỗ trợ cho học sinh học kỳ I năm học 2024-2025**
(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Kg.

Stt	Toàn tỉnh	Tổng số học sinh	Tổng số gạo hỗ trợ của học kỳ I năm học 2024-2025	Ghi chú
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
1	I. Huyện Ninh Sơn	245	18.315	
2	1. Trường TH Mỹ Sơn C	24	1.800	
3	2. Trường PTDTBT THCS Phan Đình Phùng	182	13.590	
4	3. Trường THPT Nguyễn Du	24	1.800	
5	4. Trường THPT Trường Chinh	03	225	
6	5. Trường THPT Lê Duẩn	12	900	
7	II. Huyện Thuận Bắc	247	18.525	
8	1. Trường TH-THCS Phước Kháng	18	1.350	
9	2. Trường TH-THCS Phước Chiến	116	8.700	
10	3. Trường THPT Phan Bội Châu	113	8.475	
11	III. Huyện Bác Ái	2.501	186.990	
12	1. Trường TH Phước Tiến B	201	15.075	
13	2. Trường TH Phước Thắng	350	26.250	
14	3. Trường TH Phước Thành A	52	3.900	
15	4. Trường TH Phước Bình A	47	3.525	
16	5. Trường PTDTBT TH Phước Bình B	74	5.550	

Stt	Toàn tỉnh	Tổng số học sinh	Tổng số gạo hỗ trợ của học kỳ I năm học 2024-2025	Ghi chú
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
17	6. Trường PTDTBT TH Phước Đại A	180	13.500	
18	7. Trường PTDTBT TH Phước Thành B	102	7.650	
19	8. Trường PTDTBT TH-THCS Ngô Quyền	366	27.090	
20	9. Trường PTDTBT THCS Nguyễn Văn Trỗi	119	8.925	
21	10. Trường PTDTBT THCS Nguyễn Văn Linh	138	10.350	
22	11. Trường PTDTBT THCS Đinh Bộ Lĩnh	193	14.250	
23	12. Trường PTDTBT THCS Lê Lợi	195	14.625	
24	13. Trường PTDTBT THCS Nguyễn Huệ	168	12.600	
25	14. Trường THCS-THPT Bác Ái	316	23.700	
26	IV. Huyện Thuận Nam	194	14.550	
27	1. Trường PTDTBT THCS Phước Hà	84	6.300	
28	2. Trường TH Từ Thiện	10	750	
29	3. Trường THCS Nguyễn Tiệm	100	7.500	
30	V. Huyện Ninh Hải	14	1.050	
31	1. Trường TH-THCS Ngô Quyền	14	1.050	
32	VI. Huyện Ninh Phước	10	750	
33	1. Trường THPT An Phước	07	525	
34	2. Trường THPT Nguyễn Huệ	02	150	
35	3. Trường THPT Phạm Văn Đồng	01	75	
36	VII. TP Phan Rang-Tháp Chàm	23	1.725	
37	1. Trường THPT Tháp Chàm	01	75	
38	2. Trường THPT Chu Văn An	03	225	

Stt	Toàn tỉnh	Tổng số học sinh	Tổng số gạo hỗ trợ của học kỳ I năm học 2024-2025	Ghi chú
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
39	3. Trung tâm Giáo dục thường xuyên-Hướng nghiệp tỉnh	17	1.275	
40	4. Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	02	150	
	Tổng cộng	3.234	241.905	
